

Số: 219/BC-UBND

Tuy Phước, ngày 20 tháng 11 năm 2015

BÁO CÁO

Tổng kết công tác cải cách hành chính nhà nước huyện giai đoạn 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 29/9/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc triển khai tổng kết tình hình thực hiện Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 06/10/2011 của UBND tỉnh về công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2011-2015, Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước báo cáo tổng kết công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015 và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

TỔNG KẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011-2015

I. VỀ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác tổ chức thực hiện

Thực hiện Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 06/10/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2011-2015; Kế hoạch số 20-KH/HU ngày 26/12/2011 của Huyện ủy Tuy Phước Khóa XX, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính huyện giai đoạn 2011-2015 tại Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 30/12/2011. Để hoàn thành tốt các chỉ tiêu đã đề ra trong Kế hoạch, hàng năm, UBND huyện đều xây dựng và ban hành kế hoạch cải cách hành chính để cụ thể hóa từng nội dung thực hiện trong năm và xác định rõ thời gian hoàn thành, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện. Từ năm 2011 đến nay, UBND huyện đã ban hành các Kế hoạch cải cách hành chính, cụ thể như sau:

+ Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 19/4/2011 về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2011.

+ Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 30/3/2012 về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2012.

+ Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 29/01/2013 về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2013.

+ Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 25/02/2014 về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2014.

+ Quyết định số 4800/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2015.

Đồng thời, trên cơ sở Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 24/8/2011 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, UBND huyện đã tham mưu Huyện ủy ban hành Kế hoạch số 20-KH/HU ngày 26/12/2011 thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/TU của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính.

Ngoài ra, để triển khai thực hiện đồng bộ và có hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện, trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành cụ thể như sau: *(Có bảng thống kê các văn bản đã ban hành kèm theo Phụ lục I)*

Bên cạnh đó, căn cứ hướng dẫn của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn cũng đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015, kế hoạch cải cách hành chính cho từng năm và nhiều văn bản khác nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. *(Có bảng thống kê việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn và từng năm của các xã, thị trấn kèm theo Phụ lục II).*

2. Công tác thông tin, tuyên truyền

Để thực hiện có hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính, UBND huyện đã ban hành các kế hoạch tuyên truyền tại các Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 05/6/2013, Quyết định số 4894/QĐ-UBND ngày 16/10/2015. Theo đó, huyện đã tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến bằng nhiều hình thức như: Sao gửi văn bản, giao thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phổ biến quán triệt trong các cuộc họp, hội nghị cơ quan; đưa nội dung cải cách hành chính vào các cuộc họp giao ban; xây dựng chuyên mục cải cách hành chính trên Cổng thông tin điện tử huyện; phát tin, bài trên Đài Truyền thanh huyện,... nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức và người dân về quan điểm, mục tiêu, nội dung, sự cần thiết phải thực hiện cải cách hành chính; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính và các quy định về quyền, nghĩa vụ của người dân khi tham gia thực hiện thủ tục hành chính. Qua đó, đã tạo được sự thống nhất trong tổ chức thực hiện, tăng cường được sự tham gia giám sát của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội đối với quá trình thực hiện cải cách hành chính của địa phương.

Nhìn chung, công tác thông tin tuyên truyền đã tác động tích cực trong việc thu hút sự quan tâm của người dân về cải cách hành chính, cũng như tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, công chức,

viên chức huyện nhà; đồng thời, các cơ quan, đơn vị và địa phương đã xác định rõ trách nhiệm và nhiệm vụ của mình trong việc triển khai thực hiện, qua đó góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra trong Kế hoạch cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2011-2015.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Để theo dõi, đánh giá chất lượng, tiến độ thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính và nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, UBND huyện đã tổ chức nhiều đợt kiểm tra để kịp thời nắm tình hình và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Từ năm 2011 đến nay, UBND huyện đã tổ chức nhiều đợt kiểm tra, giám sát đối với công tác cải cách hành chính. Cụ thể:

- Năm 2012: UBND huyện đã ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, văn thư lưu trữ và ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại các xã, thị trấn tại Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 19/7/2012. Theo Kế hoạch, huyện đã tiến hành kiểm tra trực tiếp tại 13/13 UBND xã, thị trấn. Nội dung kiểm tra chủ yếu tập trung vào công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của địa phương và việc triển khai thực hiện Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/02/2012 của UBND tỉnh về Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Năm 2013: UBND huyện đã ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2013 tại Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 02/5/2013 và tiến hành kiểm tra tại 05/13 UBND xã, thị trấn với các nội dung chủ yếu gồm: Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch cải cách hành chính, việc thực hiện Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/02/2012 của UBND tỉnh, công tác công khai thủ tục hành chính, công khai địa chỉ, số điện thoại và việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính.

- Năm 2014: UBND huyện đã ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác nội vụ năm 2014 tại Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 12/5/2014. Công tác kiểm tra được chia làm 02 đợt. Đợt 01, UBND huyện đã phối hợp cùng HĐND huyện kiểm tra, giám sát tại 06 xã, thị trấn và 03 cơ quan chuyên môn thuộc huyện. Nội dung kiểm tra chủ yếu tập trung vào công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai công tác cải cách hành chính; công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; công tác cải cách thủ tục hành chính; công tác tổ chức bộ máy; việc đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Đợt 02, UBND huyện đã tiến hành kiểm tra trực tiếp tại 04 đơn vị cấp xã và Bộ phận “Một cửa” thuộc Văn phòng HĐND&UBND huyện. Nội dung chủ yếu tập trung vào công tác tổ chức cán bộ, cải cách thủ tục hành chính, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và việc thực hiện Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 03/02/2012 của UBND tỉnh về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Năm 2015: UBND huyện đã ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác nội vụ năm 2015 tại Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 17/8/2015. Theo Kế hoạch đề ra, UBND huyện đã phối hợp cùng Đoàn kiểm tra của Sở Nội vụ tiến hành kiểm tra công tác cải cách hành chính theo định kỳ và đột xuất tại 06 đơn vị cấp xã, nội dung kiểm tra chủ yếu tập trung vào việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa và thực hiện quy chế văn hóa công sở.

Kết quả kiểm tra: Nhìn chung, các cơ quan, đơn vị được kiểm tra đã tổ chức triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính một cách nghiêm túc; Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả từ huyện đến cơ sở được quan tâm củng cố, kiện toàn theo đúng quy định và hoạt động đi vào nề nếp; chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa ngày càng được nâng cao,... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Một số thủ tục hành chính được công khai không đầy đủ, không đúng quy định; việc cập nhật sổ theo dõi giải quyết hồ sơ chưa kịp thời; một số đơn vị chưa công khai số điện thoại đường dây nóng theo quy định, do điều kiện trụ sở làm việc chật hẹp nên Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả chưa tập trung tại 01 phòng làm việc; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính còn hạn chế,... Qua đánh giá, phân tích kết quả kiểm tra, giám sát, UBND huyện đã có những kiến nghị, đề xuất cụ thể xuất phát từ thực tế kiểm tra đối với UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị được kiểm tra; đồng thời hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, nhằm kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế để thực hiện công tác cải cách hành chính tốt hơn trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, hàng năm UBND các xã, thị trấn cũng đã xây dựng và tổ chức kế hoạch tự kiểm tra công tác cải cách hành chính, nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những mặt tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại địa phương.

4. Bố trí nguồn nhân lực cho công tác cải cách hành chính

- Đối với cấp huyện: Công tác cải cách hành chính do đồng chí Chủ tịch UBND huyện trực tiếp phụ trách, đồng chí Trưởng phòng Phòng Nội vụ phụ trách thường trực và phân công 01 công chức Phòng Nội vụ làm công tác cải cách hành chính của huyện.

- Đối với cấp xã: Công tác cải cách hành chính do đồng chí Chủ tịch UBND cấp xã trực tiếp phụ trách và phân công 01 công chức Văn phòng – Thông kê kiêm nhiệm công tác cải cách hành chính của xã.

5. Đánh giá chung

Trong 5 năm qua, công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính được các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa huyện quan tâm triển khai thực hiện và đã đạt được kết quả tích cực. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm, giai đoạn luôn gắn với nội dung Chương trình tổng thể và kế hoạch

cải cách hành chính chung của tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, trong đó xác định rõ những nhiệm vụ, giải pháp cần phải thực hiện, thời gian hoàn thành và phân công trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị. Công tác thông tin, tuyên truyền được đẩy mạnh với nhiều hình thức, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân về công tác cải cách hành chính. Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường thực hiện thường xuyên theo định kỳ và đột xuất, đã kịp thời khắc phục những mặt tồn tại, hạn chế và phát huy những mặt ưu điểm, từng bước hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra trong Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính trong thời gian qua vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể: Lãnh đạo của một số cơ quan, đơn vị, địa phương thiếu sự quan tâm, nghiêm túc trong chỉ đạo thực hiện, nên kết quả cải cách hành chính trên một số lĩnh vực còn chậm; công tác tuyên truyền, phổ biến về cải cách hành chính tại một số địa phương còn hạn chế, chưa thực sự quan tâm đúng mức nên hiệu quả mang lại chưa cao; một số địa phương còn chậm, chưa ban hành Kế hoạch triển khai công tác cải cách hành chính giai đoạn, hàng năm, nội dung kế hoạch chưa xác định được nhiệm vụ trọng tâm và chưa sát với tình hình thực tế của địa phương; việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của một số cơ quan, đơn vị còn chậm; kinh phí bố trí cho công tác cải cách hành chính còn ít, chưa tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ, đặc biệt là ở cấp xã.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

Để nâng cao chất lượng xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện, UBND huyện đã ban hành kế hoạch xây dựng và ban hành văn bản QPPL cho từng năm tại các Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 06/12/2012, Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 15/4/2014, Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 03/02/2015. Theo kế hoạch đề ra và để tạo hành lang pháp lý đáp ứng kịp thời công tác quản lý, điều hành nhằm thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, từ năm 2011 đến nay, HĐND và UBND huyện đã ban hành 47 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có 30 nghị quyết và 17 quyết định.

Các văn bản được ban hành đều đảm bảo bảo về quy trình, thủ tục theo quy định pháp luật hiện hành, có sự tham gia góp ý của các cơ quan có liên quan và sự thẩm định của cơ quan Tư pháp cùng cấp; đồng thời, đề cao và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên môn trong việc tham gia xây dựng, đóng góp vào chương trình, kế hoạch chung của UBND huyện. Các văn bản QPPL do HĐND và UBND huyện ban hành đều được triển khai phổ biến đến từng cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và được công khai trên Trang thông tin điện tử huyện hoặc các hình thức

phù hợp khác để cán bộ và nhân dân có thể theo dõi, biết và thực hiện. Nội dung các văn bản được ban hành đảm bảo phù hợp với thực tiễn kinh tế - xã hội tại địa phương, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu chung mà huyện đã đề ra và được các cá nhân, tổ chức có liên quan nghiêm túc chấp hành. Trong thời gian qua, không có trường hợp văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND huyện ban hành không đúng thẩm quyền, không phù hợp với quy định pháp luật hiện hành phải bị đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ.

Theo chỉ đạo của huyện, hàng năm UBND các xã, thị trấn đã ban hành Kế hoạch xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu công tác của địa phương. Từ năm 2011 đến nay, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã ban hành 752 văn bản QPPL, trong đó có 687 nghị quyết, 56 quyết định, 09 chỉ thị.

b) Về kiểm tra, rà soát văn bản QPPL:

Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trong thời gian qua được huyện chú trọng thực hiện thường xuyên và cấp kinh phí rà soát cho từng hàng năm. Để tổ chức thực hiện rà soát có hiệu quả, UBND huyện đã ban hành các kế hoạch và thành lập Tổ công tác rà soát văn bản QPPL hàng năm, cụ thể:

+ Quyết định số 1184/QĐ-CTUBND ngày 04/8/2011 về ban hành Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND huyện ban hành từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2011.

+ Quyết định số 2285/QĐ-CTUBND ngày 04/12/2012 về ban hành Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND huyện ban hành từ ngày 01/7/2011 đến 30/11/2012.

+ Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 về ban hành Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND huyện ban hành từ ngày 01/12/2012 đến 31/12/2013.

+ Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2015 về ban hành Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND huyện ban hành từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014.

Theo đó, từ 01/01/2011 đến 30/6/2015, UBND huyện đã tiến hành 04 đợt rà soát, hệ thống hóa 47 văn bản quy phạm pháp luật (gồm 30 nghị quyết và 17 quyết định; trong đó có 02 quyết định có chứa nội dung quy phạm pháp luật, nhưng được ban hành dưới hình thức văn bản áp dụng). Trong đó, còn hiệu lực 21 văn bản, hết hiệu lực 26 văn bản.

Đồng thời, trong năm 2014, UBND huyện đã có Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 05/3/2014 về ban hành Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Tuy Phước giai đoạn 2008-2013. Kết quả có

78 văn bản, trong đó: nghị quyết là 46 văn bản và quyết định là 32 văn bản; còn hiệu lực là 34 văn bản, hết hiệu lực là 44 văn bản.

Ngoài ra, UBND huyện thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND các xã, thị trấn. Từ năm 2011 đến năm 2015, đã tổ chức kiểm tra đối với 752 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND cấp xã ban hành (trong đó, có 687 nghị quyết, 56 quyết định và 09 chỉ thị). Qua công tác kiểm tra, tự kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh những mặt tồn tại, hạn chế và hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ đối với công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại các địa phương, nên chất lượng văn bản quy phạm pháp luật do các địa phương ban hành ngày càng được nâng cao.

Thông qua công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, đã xây dựng được hệ thống danh mục các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành, còn hiệu lực và hết hiệu lực góp phần phục vụ công tác tra cứu, xây dựng chính sách tại địa phương; đồng thời, đánh giá được những mặt làm được, các tồn tại hạn chế để kịp thời có những điều chỉnh cho phù hợp trong công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách trên địa bàn huyện. Qua đó, đã kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản QPPL ban hành không đúng quy định hoặc không còn phù hợp.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Một số cơ quan, đơn vị thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật chưa đúng quy định. Tình trạng chậm hoặc không gửi dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cho cơ quan Tư pháp cùng cấp góp ý, thẩm định vẫn còn xảy ra ở một số đơn vị.

- Một số cơ quan tham mưu xây dựng và ban hành văn bản QPPL cho UBND cùng cấp còn khá lúng túng trong việc phân biệt giữa văn bản QPPL với văn bản áp dụng pháp luật. Vì vậy, vẫn còn văn bản có chứa đựng nội dung quy phạm pháp luật nhưng được ban hành dưới dạng văn bản áp dụng thông thường. Mặc dù Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND và UBND, Nghị định số 91/2006/NĐ-CP đã có quy định về khái niệm và các tiêu chí để phân biệt “văn bản quy phạm pháp luật” nhưng trong thực tiễn chưa có tiêu chí rõ ràng để xác định đâu là “quy tắc xử sự chung”. Do đó, ảnh hưởng đến chất lượng ban hành văn bản QPPL tại địa phương.

- Công tác kiểm tra việc ban hành văn bản QPPL đã được UBND các xã, thị trấn tổ chức định kỳ hàng năm, nhưng văn bản ban hành sai thể thức, kỹ thuật trình bày và cá biệt có một số văn bản ban hành sai thẩm quyền vẫn còn, nhưng không được phát hiện, xử lý kịp thời, ảnh hưởng đến chất lượng văn bản QPPL và việc tổ chức thực hiện.

- Các văn bản QPPL tại cấp huyện và cấp xã chủ yếu mang tính chất chấp hành và triển khai thực hiện các văn bản của cấp trên mà không đề ra các quy tắc xử sự chung áp dụng tại địa phương. Do đó, một số các văn bản QPPL của địa phương thường sao chép văn bản của cấp trên, không mang tính hiệu quả cao trong thực tiễn.

* Nguyên nhân

- Lãnh đạo một số phòng, ban huyện và UBND cấp xã chưa thấy được tầm quan trọng của công tác soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với hoạt động quản lý điều hành ở địa phương. Do đó, chưa có sự quan tâm đúng mức đối với công tác này.

- Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tham mưu ban hành văn bản QPPL ở một số phòng, ban của huyện và UBND các xã, thị trấn còn hạn chế về trình độ năng lực, nhận thức máy móc về công tác soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nên thường sao chép lại các quy định của cấp trên, không chứa các quy định mang tính đặc thù của địa phương.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Kiểm soát thủ tục hành chính

- Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính:

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 24/4/2012 về thực hiện rà soát quy định, thủ tục hành chính năm 2012; Chỉ thị số 06/CT-CTUBND ngày 09/5/2012 về tăng cường hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện; Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 26/3/2014 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện năm 2014; Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện năm 2015; Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 về ban hành Kế hoạch rà soát văn bản QPPL có quy định yêu cầu nộp bản sao giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính trái với Điều 6 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/02/2015 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2015. Qua đó, các đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính từ cấp huyện đến cấp xã đã được củng cố, kiện toàn; công tác rà soát, kiến nghị đối với các thủ tục hành chính áp dụng tại cấp huyện và cấp xã do UBND tỉnh công bố được thực hiện thường xuyên; các thủ tục hành chính liên quan đến ngành, lĩnh vực của địa phương được công khai minh bạch và thường xuyên cập nhật kịp thời các quy định mới; việc giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân được thực hiện đảm bảo đúng quy định.

Đồng thời, để thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân có liên quan đến thủ tục hành chính, ngày 21/11/2011, UBND huyện đã có Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế phối hợp trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành

chính thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện. Qua đó, việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân được tổ chức thực hiện thường xuyên như xây dựng chuyên mục hỏi đáp trên Trang thông tin điện tử huyện, mở hòm thư góp ý, công khai địa chỉ, số điện thoại đường dây nóng tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả để thuận tiện cho công dân phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính. Tuy nhiên, từ năm 2011 đến nay, huyện chỉ nhận được 01 đơn phản ánh, kiến nghị có liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính, hiện đã xử lý xong.

- Công tác công khai thủ tục hành chính

Thực hiện Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 của UBND tỉnh về Quy chế phối hợp trong việc công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý và Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 03/02/2012 của UBND tỉnh, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 19/7/2012 về quy định công khai quy trình, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện.

Ngoài ra, để thực hiện thống nhất việc niêm yết công khai thủ tục hành chính trên địa bàn huyện, UBND huyện đã ban hành Công văn số 894/UBND-NV ngày 17/10/2014 về tăng cường thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện, trong đó hướng dẫn chi tiết về các biểu mẫu, nội dung công khai. Theo đó, các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và cấp xã được niêm yết công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã và trên Trang thông tin điện tử của huyện tại địa chỉ: tuyphuoc.binhdingh.gov.vn

b) Về thực hiện cơ chế một cửa

Thực hiện Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 03/02/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định, UBND huyện đã triển khai nội dung Quyết định trên đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện; ngày 20/3/2012, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành văn bản số 143/UBND-NV để chỉ đạo Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện và tổ chức quán triệt Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức của mình, nhất là đối với cán bộ, công chức trực tiếp tham gia quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và tổ chức các hình thức thông báo, tuyên truyền thích hợp, để nhân dân biết và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Để đưa Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả đi vào hoạt động có hiệu quả và đúng quy định theo Quyết định số 02/QĐ-UBND của UBND tỉnh, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 18/7/2012 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND&UBND huyện; đồng thời ban hành Quyết định số 1464/QĐ-CTUBND ngày 19/7/2012 về công khai quy trình, trình tự, thủ tục giải quyết các thủ tục hành chính

áp dụng theo cơ chế một cửa và các Quyết định số 1463/QĐ-CTUBND ngày 18/7/2012, Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 14/3/2014, Quyết định số 2773/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 về kiện toàn Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc văn phòng HĐND&UBND huyện. UBND các xã, thị trấn đã ban hành các quyết định nhằm củng cố, kiện toàn bộ phận một cửa, công khai các quy trình, thủ tục giải quyết các thủ tục hành chính theo đúng quy định. Đến nay, 100% cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn huyện đã thực hiện cơ chế một cửa theo đúng tinh thần nội dung của Quyết định số 02/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Từ khi thực hiện Quyết định 02/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh, tất cả các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực đất đai, môi trường, cấp phép kinh doanh, xây dựng, tư pháp - hộ tịch, lao động – thương binh & xã hội, kinh tế, chứng minh nhân dân và thuế với 96 đầu thủ tục, đã được tiếp nhận và giải quyết tập trung tại một đầu mối là Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và tổ chức khi đến liên hệ giải quyết thủ tục hành chính; đội ngũ cán bộ, công chức được kiện toàn có trình độ chuyên môn phù hợp đáp ứng được yêu cầu công việc; mối quan hệ phối hợp giữa Bộ phận “Một cửa” với các phòng, ban chuyên môn có liên quan được quy định chặt chẽ hơn; quy trình tiếp nhận, xử lý và thời gian giải quyết công việc của từng cán bộ, công chức có liên quan đã được quy định rõ ràng nên đã khắc phục được tình trạng ùn đầy công việc, giảm số lượng hồ sơ giải quyết trễ hạn và góp phần hạn chế tình trạng gây phiền hà, sách nhiễu của cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ.

Tuy nhiên, do trụ sở làm việc của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của huyện chật hẹp, nên ngày 06/02/2013, UBND huyện đã có văn bản số 86/UBND-NC về việc chuyển địa điểm tiếp nhận thủ tục hành chính trên lĩnh vực chứng minh nhân dân về lại trụ sở Công an huyện để tiện cho việc liên hệ giải quyết công việc của công dân.

+ Kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả: Số liệu tính từ ngày 01/01/2011 đến 30/9/2015

* Đối với cấp huyện:

Lĩnh vực, công việc giải quyết	Tổng số hồ sơ nhận	Kết quả giải quyết			Ghi chú
		Trả đúng hạn	Trả quá thời hạn	Chưa đến thời hạn	
Lĩnh vực quản lý đất đai	14.176	12.712	1.306	158	
Lĩnh vực môi trường	171	157	14		
Lĩnh vực Tư pháp, hộ tịch	503	503			
Lĩnh vực Lao động – TB và XH	4.929	4.929			
Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh	3.432	3.383	49		
Lĩnh vực quản lý xây dựng	836	812	4	20	
Lĩnh vực Kinh tế	26	26			

Chứng minh nhân dân	27.889	27.267		622	
Tổng cộng	51.962	49.789	1.373	800	

* Đối với cấp xã:

Lĩnh vực, công việc giải quyết	Tổng số hồ sơ nhận	Kết quả giải quyết			Ghi chú
		Trả đúng hạn	Trả quá thời hạn	Chưa đến thời hạn	
Lĩnh vực quản lý đất đai	10.316	10.315	01	0	
Lĩnh vực Xây dựng	706	706	0	0	
Lĩnh vực Hộ khẩu, CMND	35.691	35.626	57	08	
Lĩnh vực Tư pháp	327.209	327.209	0	0	
Lĩnh vực Văn hóa – Xã hội	38.255	38.201	50	04	
Tổng cộng	412.177	412.057	108	12	

(Có bảng thống kê việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa kèm theo Phụ lục III)

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Công tác rà soát thủ tục hành chính tuy có thực hiện nhưng hiệu quả mang lại chưa cao, chưa có đột phá trong việc kiến nghị đơn giản thủ tục hành chính tại địa phương.

- Công tác công khai thủ tục hành chính tại một số địa phương chưa đảm bảo quy định, số lượng thủ tục hành chính được công khai không đầy đủ so với Bộ thủ tục hành chính áp dụng chung tại cấp xã, việc công khai còn mang tính hình thức, thiếu mẫu đơn, mẫu tờ khai; công tác phối hợp trong việc cập nhật công khai các quy định mới có liên quan đến thủ tục hành chính ở một số cơ quan, đơn vị còn chậm, nên đôi lúc thủ tục hành chính được cập nhật, công khai không kịp thời.

- Việc giải quyết thủ tục hành chính cho công dân trên một số lĩnh vực còn trễ hẹn, nhất là trên lĩnh vực đất đai. Các hồ sơ trễ hẹn chủ yếu là do công dân thực hiện nghĩa vụ tài chính muộn, cán bộ thẩm tra hồ sơ trễ, công dân bổ sung hồ sơ trễ, do không liên hệ được với công dân để kiểm tra hiện trạng thửa đất, cơ quan Thuế ra thông báo muộn.

- Một số địa phương thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa chưa nghiêm túc, một vài bộ phận vẫn còn nhận hồ sơ trực tiếp tại phòng chuyên môn.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn huyện còn hạn chế, chưa trang bị được phần mềm theo dõi việc giải quyết hồ sơ của tổ chức, cá nhân cũng như việc xây dựng văn phòng “Một cửa” điện tử; trình độ tin học của đội ngũ cán bộ, công chức ở cấp xã còn yếu; hệ thống trang thiết bị máy móc chưa đầy đủ để phục vụ cho công tác, đặc biệt là cấp xã.

* Nguyên nhân của các tồn tại:

- Công tác kiểm soát TTHC là công tác mới, lại tương đối phức tạp, cán bộ đầu mối hoạt động kiêm nhiệm, khối lượng công việc cán bộ tư pháp ngày càng nhiều, nhất là các xã có dân số đông. Mặt khác, cán bộ đầu mối vừa được củng cố, kiện toàn nên quá trình tham mưu cho lãnh đạo và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC còn lúng túng, trong khi đó đối với các phòng, ban của huyện không có cán bộ trực tiếp làm công tác này nên việc phối hợp rà soát, kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính còn gặp khó khăn; thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị và cán bộ công chức làm công tác trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính cho công dân chưa nhận thức đầy đủ về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính nên chưa mạnh dạn kiến nghị đơn giản hóa, dẫn đến việc triển khai thực hiện chưa hiệu quả; công tác tuyên truyền ý nghĩa, vai trò của hoạt động kiểm soát TTHC trong công tác cải cách hành chính đến người dân và tổ chức chưa được thường xuyên nên người dân chưa hiểu hết các quyền và lợi ích của mình trong việc tham gia đóng góp ý kiến về thủ tục hành chính.

- Lãnh đạo một số đơn vị cấp xã chưa kiên quyết trong chỉ đạo thực hiện; việc kiểm tra giám sát của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thiếu thường xuyên, chậm phát hiện và khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong quá trình triển khai thực hiện, làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm cải cách thủ tục hành chính chung của huyện.

- Cán bộ, công chức giúp việc ở các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn đều kiêm nhiệm nên khả năng tổng hợp và tham mưu đề xuất chưa đáp ứng yêu cầu.

- Trụ sở làm việc của một số địa phương chật hẹp, không đủ diện tích sử dụng, ảnh hưởng đến việc bố trí phòng làm việc riêng của bộ phận “Một cửa” dẫn đến việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa không đảm bảo đúng quy định.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1 Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan, đơn vị

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ (nay là Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014) qui định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, UBND huyện thường xuyên rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện. Qua rà soát, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị được xác định cụ thể, rõ ràng, tránh chồng chéo, đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả và đảm bảo đúng quy định của Nhà nước. Cụ thể, từ năm 2011 đến nay đã thực hiện một số nội dung như sau:

+ Thành lập Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện và chuyển giao công tác giải phóng mặt bằng sang Trung tâm Phát triển Quỹ đất; củng cố Ban quản lý Cụm Công nghiệp và Dịch vụ huyện; thành lập Ban Tiếp công dân huyện; thành lập Văn phòng Điều phối chương trình nông thôn mới; đổi tên Trường Trung học cơ sở thị trấn Diêu Trì thành Trường trung học cơ sở Trần Bá; bổ sung biên chế, nhiệm vụ công tác thanh niên cho Phòng Nội vụ, bổ sung biên chế, nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới cho Phòng Nông nghiệp và PTNT; ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả huyện, Trung tâm Văn hóa – TTTT huyện, Đài Truyền thanh huyện.

+ Thực hiện Đề án của UBND tỉnh, UBND huyện đã hoàn thành việc chuyển đổi 14/14 trường mầm non, mẫu giáo bán công trên địa bàn huyện sang công lập. Trong đó, có 01 trường hoạt động theo cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính, 02 trường hoạt động theo cơ chế tự chủ một phần về tài chính.

- Hiện nay, UBND huyện có 12 cơ quan chuyên môn và 04 đơn vị sự nghiệp thuộc huyện, 62 đơn vị sự nghiệp thuộc phòng, 01 đơn vị sự nghiệp tự trang trải kinh phí và 01 đơn vị sự nghiệp được hỗ trợ một phần kinh phí. So với năm 2010 tăng 02 đơn vị do thành lập mới Trung tâm Phát triển Quỹ đất và Văn phòng Điều phối chương trình nông thôn mới

- Công tác quản lý, sử dụng biên chế tiếp tục được thực hiện theo quy định. Hàng năm, trên cơ sở biên chế hành chính và sự nghiệp do UBND tỉnh giao, UBND huyện đã phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, trường học đảm bảo hoạt động ổn định, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Cụ thể, biên chế của huyện năm 2011 và 2015 như sau:

Năm	BC hành chính tỉnh giao	Thực hiện		BC sự nghiệp tỉnh giao	Trong đó					
		Biên chế	HĐLĐ		SN giáo dục		SN VH TT		SN khác	
					BC	HĐLĐ	BC	HĐLĐ	BC	HĐLĐ
2011	93	68	23	1784	1560	165	12	8	11	28
2015	94	73	18	2048	1604	381	16	5	19	23

- Ngay từ đầu nhiệm kỳ, UBND huyện đã ban hành Quy chế làm việc nhiệm kỳ 2011-2016 tại Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 và có quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên UBND huyện, trong quá trình làm việc nếu có sự thay đổi, UBND huyện đã kịp thời đề nghị bầu bổ sung thành viên đúng theo quy định. Để thực hiện Quy chế làm việc, ngày 30/12/2011, UBND huyện đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện ban hành Quy chế phối hợp công tác tại Quyết định liên tịch số 01/QĐLT-UBND-UBMTTQ. Ngoài ra, UBND huyện đã ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa UBND huyện với Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn lao động và Hội Liên hiệp phụ nữ huyện tại các Quyết định số 1551/QĐ-UBND, 1552/QĐ-UBND, 1553/QĐ-UBND và

1554/QĐ-UBND. Đồng thời, UBND các xã, thị trấn ban hành Quy chế làm việc của UBND nhiệm kỳ 2011-2016 theo quy định, có quyết định phân công nhiệm vụ thành viên UBND và tổ chức thực hiện theo Quy chế đã ban hành.

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc huyện: Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện được tổ chức theo nguyên tắc vừa đảm bảo tính thống nhất, vừa đảm bảo tính đặc thù của địa phương, đáp ứng yêu cầu quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Các cơ quan chuyên môn huyện được đổi mới với cách thức tổ chức theo mô hình thích hợp, có cơ sở pháp lý để hoạt động sát với tình hình thực tiễn, đạt hiệu quả nhất định; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mỗi vị trí, chức danh cán bộ, công chức trong nội bộ cơ quan chuyên môn được xác định rõ ràng.

c) Về phân cấp quản lý: Căn cứ Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 17/3/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh, UBND huyện đã thực hiện theo đúng quy định; đồng thời, huyện đã thực hiện phân cấp, ủy quyền đối với một số nội dung như: Cấp phép kinh doanh, xử lý vi phạm hành chính, phê duyệt đầu tư đối với các công trình có nguồn vốn do ngành giáo dục quản lý,... Qua đó đã phát huy tính chủ động và tinh thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ. Hằng năm, huyện đều tổ chức kiểm tra các nội dung đã phân cấp, ủy quyền về mặt nhà nước theo quy định của pháp luật. Qua kiểm tra, đã kịp thời phát hiện tồn tại, vướng mắc, các vấn đề phát hiện đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo quy định.

d) Cải cách và triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công:

Hiện nay, có 18/18 cơ quan thuộc huyện đã triển khai thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; 52/66 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện đã triển khai thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 24/4/2006 của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Nhìn chung, các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ đều xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đúng quy định; thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, nguồn thu sự nghiệp; công khai, minh bạch về tài chính và tiết kiệm kinh phí, tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.

3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Tổ chức bộ máy của một số phòng, ban còn bất cập, chồng chéo gây khó khăn trong công tác chỉ đạo điều hành, thiếu sự thông suốt, ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương (giữa Phòng Văn hóa Thông tin với Trung tâm VH-TT; giữa Phòng Y tế với Trung tâm Y tế huyện).

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Về cải cách chế độ công vụ, công chức

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1577/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Đề án đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức và Quyết định số 4078/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức tỉnh Bình Định đến năm 2015, UBND huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo huyện về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức tại Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 25/02/2014 và ban hành Kế hoạch đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức đến năm 2015 tại Quyết định số 260a/QĐ-UBND ngày 27/02/2014.

Căn cứ các nội dung Kế hoạch đề ra, huyện đã triển khai thực hiện một số nội dung như: Xây dựng Đề án thí điểm thực hiện việc tuyển chọn lãnh đạo cấp phó các phòng, ban huyện và tương đương (dưới 35 tuổi) theo hướng chú trọng nguyên tắc thực tài theo phương thức đổi mới của tỉnh; xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc huyện trình UBND tỉnh thẩm định; triển khai thực hiện các quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý và quy định về tiêu chuẩn ngạch công chức; thường xuyên cập nhật thông tin quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện các quy định về chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã; triển khai xây dựng Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức;... Các nội dung còn lại như: Triển khai sử dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức trên địa bàn huyện; thực hiện chính sách thu hút, phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ người có tài năng trong hoạt động công vụ; đổi mới và nâng cao chất lượng thi tuyển công chức cấp xã... huyện sẽ triển khai thực hiện sau khi có hướng dẫn của tỉnh.

b) Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 21/11/2013 của UBND tỉnh về xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Bình Định; UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 07/5/2014 về xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Tuy Phước và Công văn số 377/UBND-NV ngày

26/5/2014 về việc triển khai thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị; Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 26/5/2014 về việc thành lập Tổ công tác xây dựng Đề án vị trí việc làm huyện Tuy Phước. Đồng thời, UBND huyện đã phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức tập huấn về công tác xây dựng Đề án vị trí việc làm cho cán bộ công chức các phòng, ban thuộc huyện. Đến nay, UBND huyện đã hoàn thành việc xây dựng và đề nghị UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính huyện Tuy Phước (Đề án số 01 ngày 13/10/2015), Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Tuy Phước (Đề án số 02 ngày 13/10/2015). Theo đó, tổng số vị trí việc làm là 921, trong đó đơn vị hành chính là 81 vị trí, đơn vị sự nghiệp là 840 vị trí.

c) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Công tác tuyển dụng công chức, viên chức; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện công khai, dân chủ đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn và quy trình; các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện kịp thời, đầy đủ và đúng quy định của Nhà nước.

Trong thời gian qua, huyện đã tuyển chọn, bổ sung nhiều cán bộ trẻ, được đào tạo cơ bản, bố trí sắp xếp hợp lý, phù hợp với năng lực, sở trường và ngày càng phát huy trong cơ chế mới; số cán bộ có trình độ đại học ngày càng tăng. Số lượng cán bộ được bố trí đầy đủ theo từng chức danh; cán bộ chủ chốt, cán bộ lãnh đạo thuộc diện cấp uỷ quản lý được xem xét cân nhắc kỹ về tiêu chuẩn chính trị, tiêu chuẩn trình độ các mặt, phẩm chất đạo đức và uy tín.

* Về công tác tuyển dụng:

+ Năm 2011, tổ chức kỳ thi tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn huyện, tổng số thí sinh tham dự kỳ thi: 78. Kết quả có 48 người trúng tuyển.

+ Năm 2011, tổ chức xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp của huyện, kết quả có 20 thí sinh trúng tuyển.

+ Năm 2012 và 2013, UBND huyện tổ chức triển khai công tác tuyển dụng công chức trên địa bàn huyện do UBND tỉnh tổ chức, cụ thể:

++ Xét tuyển: 05 thí sinh trúng tuyển không qua thi tuyển.

++ Thi tuyển: có 17 thí sinh đăng ký dự thi trên tổng số nhu cầu cần tuyển là 10. Kết quả có 08 thí sinh trúng tuyển.

+ Từ năm 2011-2015, UBND huyện đã tổ chức 5 đợt xét tuyển viên chức ngành giáo dục, kết quả có 317 thí sinh trúng tuyển.

* Về công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại: Từ năm 2011 đến nay, đã bổ nhiệm mới 61 CBCCVC, bổ nhiệm lại 97 CBCCVC, miễn nhiệm 07 CBCCVC, cụ thể như sau:

Năm	Bổ nhiệm	Bổ nhiệm lại	Miễn nhiệm
2011	19	17	
2012	10	11	2
2013	6	3	3
2014	17	9	1
2015	9	57	1
Tổng cộng	61	97	7

d) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm của UBND tỉnh và trên cơ sở nhu cầu thực tế của huyện, từ năm 2011 đến nay, UBND huyện đã cử 03 cán bộ, công chức đi học thạc sỹ, 05 cán bộ, công chức đi học đại học chuyên môn (trong đó có 03 cán bộ cấp xã), 01 công chức cấp xã học cao đẳng Quân sự, 15 cán bộ học trung cấp Quân sự, 17 cán bộ học trung cấp Công an; 13 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng QLNN Chương trình chuyên viên chính, 01 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng QLNN Thanh tra viên chính, 07 công chức, viên chức tham gia lớp bồi dưỡng QLNN Chương trình chuyên viên và 02 công chức tham gia lớp bồi dưỡng QLNN Thanh tra viên và có 15 cán bộ, công chức học Cao cấp chính trị (trong đó có 03 cán bộ cấp xã), 46 cán bộ, công chức, viên chức học Trung cấp chính trị.

Ngoài ra, huyện đã cử hàng chục lượt cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cấp xã tham gia các lớp tập huấn do tỉnh tổ chức. Thực hiện chỉ đạo của tỉnh, UBND huyện đã mở 02 lớp bồi dưỡng cho 369 đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã và 01 lớp bồi dưỡng chức danh Trưởng thôn cho 101 Trưởng thôn trên địa bàn huyện. Đồng thời, để giúp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức huyện nhà nâng cao năng lực chuyên môn và trình độ lý luận chính trị, huyện đã phối hợp cùng Trường Chính trị tỉnh mở một lớp đào tạo Trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính tại huyện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ công chức huyện nhà tham gia học tập; phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức 01 lớp tập huấn về nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính cho 91 cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cấp xã làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả; phối hợp với Sở Thông tin Truyền thông tổ chức 05 lớp tập huấn về hướng dẫn phần mềm văn phòng điện tử cho lãnh đạo và chuyên viên các phòng, ban chuyên môn huyện; 02 lớp tập huấn về công tác văn thư lưu trữ cho 140 cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cấp xã và mở 01 lớp tập huấn về công

tác tôn giáo cho 158 cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn huyện.

e) Về cán bộ, công chức cấp xã

+ Về số lượng: Theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ và quy định của UBND tỉnh, tổng số cán bộ, công chức của cấp xã trên toàn huyện được bố trí là 315 người, hiện nay đã thực hiện là 271 người, trong đó: Cán bộ là 134 người, công chức là 137 người.

+ Về chất lượng: Trong tổng số 271 cán bộ, công chức cấp xã, có 243 người đạt chuẩn về trình độ chuyên môn đạt tỷ lệ 89.7% (năm 2011 là 72.3%). Riêng số lượng công chức đạt chuẩn về trình độ chuyên môn là 131 người đạt tỷ lệ 95.6% (năm 2011 là 85.3%).

+ Về đào tạo, bồi dưỡng: Từ năm 2011 đến nay, có 01 cán bộ đi học thạc sỹ, 86 cán bộ, công chức đi học đại học chuyên môn, 05 cán bộ, công chức đi học cao đẳng chuyên môn, 07 cán bộ, công chức đi học trung cấp chuyên môn và 105 cán bộ, công chức đi học trung cấp lý luận chính trị.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm thực hiện thường xuyên, nên chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện ngày càng nâng lên *(Có bảng thống kê so sánh trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức năm 2011 và năm 2015 kèm theo Phụ lục IV)*

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Chưa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo nhu cầu của huyện. Công tác đào tạo, bồi dưỡng ở một số địa phương còn mang tính đại trà, chưa cân đối giữa đào tạo với sử dụng, nên thường xảy ra trường hợp nhiều cán bộ, công chức cùng đi học một chuyên ngành giống nhau, đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc sắp xếp, bố trí và sử dụng cán bộ, công chức sau đào tạo.

- Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tuy được nâng lên, nhưng vẫn còn một số trường hợp chưa đạt chuẩn quy định. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác thực hiện nhiệm vụ chung của một số cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế.

* Nguyên nhân:

- Đội ngũ cán bộ, công chức các xã, thị trấn được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, đa số đã công tác lâu năm, tuy có kinh nghiệm nhưng chưa được đào tạo bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Một số địa phương chưa làm tốt công tác quy hoạch cán bộ và gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng. Tinh thần, thái độ, tác phong trong thực thi công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức chưa tốt; một số cán bộ, công chức phải kiêm nhiệm nhiều việc, nhiều chức danh, nên chất lượng giải quyết công

việc chưa cao, đặc biệt ở những chức danh có khối lượng công việc nhiều như Tư pháp – Hộ tịch, Địa chính – xây dựng – nông nghiệp và môi trường (đối với xã) và Địa chính – xây dựng – đô thị và môi trường (đối với thị trấn); một số chế độ, chính sách chưa đồng viên được cán bộ, công chức cơ sở yên tâm công tác.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công: Trên cơ sở các quy định của Trung ương và UBND tỉnh, UBND huyện chỉ đạo triển khai chế độ tiền lương, tiền công theo đúng quy định.

Việc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chỉ đảm bảo tính minh bạch, dân chủ, công khai trong quản lý ngân sách. Theo đó, HĐND và UBND huyện quy định các nội dung và định mức chi ngân sách, quy định mức phí, lệ phí cụ thể trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính và UBND tỉnh. Các phòng, ban, ngành thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn căn cứ nội dung, định mức và dự toán ngân sách được giao để tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ một cách chủ động, kịp thời, đúng mục đích và tiết kiệm. Đây là cơ sở để thực hiện có hiệu quả chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và tài chính đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tạo động lực trực tiếp để các đơn vị hoàn thành vượt mức kế hoạch thu ngân sách, tiết kiệm chi hành chính để tăng thu nhập. Số tiết kiệm tăng thu nhập hằng năm đều tăng, cụ thể như sau:

STT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tiết kiệm tăng thu nhập (đồng)	121.175.000	142.285.000	162.048.000	189.709.000	196.104.000

b) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

- Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ: Đã thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho 18/18 đơn vị, đạt tỷ lệ 100%. Các đơn vị đã xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản; chủ động trong sử dụng kinh phí thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, có kế hoạch hợp lý để củng cố cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, tạo nguồn tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

- Về cơ chế giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ: Đến nay tổng số đơn vị đã được giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số

43/2006/NĐ-CP là 52/66 đơn vị, trong đó: 16 đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động, 36 đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động. Các đơn vị được giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ 52/52, đạt tỷ lệ 100%. Còn 14 đơn vị chưa đủ điều kiện nên chưa giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm.

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những mặt đã đạt được, nhìn chung cải cách tài chính công vẫn còn chậm vì chủ yếu chấp hành các cơ chế, chính sách từ trung ương, địa phương không thể tự ban hành cơ chế.

Trong thực hiện cơ chế giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ, một số đơn vị chưa chủ động trong việc tạo ra nguồn thu, việc triển khai còn mang tính hình thức; đối với đơn vị hành chính cấp xã chưa thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Định mức khoán kinh phí chi hoạt động còn thấp so với tình hình thực tế hiện nay đơn thuần rất khó khăn.

6. Về hiện đại hóa nền hành chính

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước

Thực hiện Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 - 2015, UBND huyện đã triển khai áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước như: Sử dụng phần mềm quản lý văn bản, kết nối mạng LAN, Internet đến tất cả các phòng, ban thuộc huyện; xây dựng mạng nội bộ không dây cho Văn phòng HĐND&UBND, xây dựng hệ thống máy chủ và thiết bị sao lưu dữ liệu để số hóa dữ liệu tại Văn phòng HĐND&UBND. Hàng năm, UBND huyện đều ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn huyện. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan quản lý hành chính nhà nước đã có nhiều tiến bộ đáng kể, góp phần đẩy nhanh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của bộ máy chính quyền địa phương. Hiện nay, đã đưa vào sử dụng hệ thống họp giao ban trực tuyến tại UBND huyện; sử dụng phần mềm văn phòng điện tử với 90 tài khoản được tạo lập, các văn bản giấy tờ đến, đi đã được số hóa 100% và được sao lưu định kỳ; tạo lập hệ thống thư điện tử cho cán bộ, công chức và các phòng, ban với tên miền <http://mail.tuyphuoc.binhdingh.gov.vn> với 190 tài khoản.

Nâng cấp và sử dụng hiệu quả trang thông tin điện tử tại địa chỉ <http://tuyphuoc.binhdingh.gov.vn>; lịch công tác, các thông báo, giấy mời họp của

UBND huyện được đưa lên trang thông tin điện tử của huyện để các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn biết và thực hiện. Việc sử dụng thư điện tử trong trao đổi thông tin đã được thực hiện thường xuyên hơn. Hàng năm, huyện đều tổ chức các lớp đào tạo hướng dẫn sử dụng các phần mềm cho cán bộ, công chức. Đến nay, hầu hết cán bộ, công chức các cơ quan chuyên môn thuộc huyện đều được trang bị máy tính để làm việc. Từ năm 2011 đến nay, huyện đã phân bổ kinh phí cho công tác triển khai ứng dụng CNTT với số tiền là 752.879.000 đồng.

Để phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành và giải quyết công việc của địa phương, hiện nay, hầu hết các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều trang bị máy tính có kết nối Internet, mạng LAN và sử dụng các phần mềm về kế toán và quản lý địa giới hành chính.

b) Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính:

Trong thời gian qua, UBND huyện đã nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 23/02/2012 của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Đến nay, việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 đã được thực hiện tại 12/12 cơ quan chuyên môn thuộc huyện đối với toàn bộ thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền xử lý và đã được Tổng Cục đo lường Chất lượng cấp Giấy Chứng nhận. Đồng thời, thực hiện Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008 vào hoạt động của các cơ quan nhà nước của tỉnh, ngày 06/9/2014, UBND huyện đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 trên địa bàn huyện Tuy Phước tại Quyết định số 2475/QĐ-UBND.

Qua thời gian triển khai thực hiện, nhìn chung các phòng, ban thuộc huyện đã nhận thức rõ về hệ thống quản lý chất lượng, thể hiện tinh thần trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước đối với tổ chức và công dân trong việc cải cách thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND huyện đã chọn thị trấn Diêu Trì là đơn vị triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 đối với cấp xã. Đến nay, UBND thị trấn Diêu Trì đã hoàn thành việc xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và đã được Tổng Cục Đo lường Chất lượng cấp Giấy Chứng nhận.

c) Tình hình triển khai xây dựng trụ sở cơ quan hành chính ở cơ quan, đơn vị

Tổng kinh phí đầu tư nâng cấp trụ sở cơ quan hành chính trên địa bàn huyện từ năm 2011 đến nay là 63.690 triệu đồng, trong đó ngân sách tỉnh là 13.607 triệu đồng, ngân sách huyện là 26.505 triệu đồng, ngân sách cấp xã là 23.578 triệu đồng. Chủ yếu tập trung vào xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa phòng làm việc các phòng,

ban huyện và trụ sở làm việc các xã, thị trấn (Phước Thuận, Phước Thắng, Phước Hiệp, Phước Sơn) và phòng làm việc của Bộ phận “Một cửa” các xã, thị trấn (Phước Hưng, Phước Quang, Phước Lộc, thị trấn Tuy Phước, Phước An và Phước Thành). Hiện nay, đang triển khai thi công trụ sở làm việc UBND xã Phước Hòa và nhà làm việc của Bộ phận “Một cửa” cấp huyện. Ngoài ra, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, UBND các xã đã tích cực đầu tư xây dựng trụ sở thôn kết hợp với nhà văn hóa, đến nay đã đầu tư xây dựng 27 trụ sở thôn.

Trong thời gian qua huyện đã quan tâm đầu tư, hỗ trợ kinh phí để sửa chữa, cải tạo nâng cấp, xây dựng trụ sở làm việc nhằm từng bước hiện đại hoá công sở cơ quan hành chính nhà nước; trang bị các phương tiện làm việc của cơ quan, từng bước cải thiện điều kiện làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, đáp ứng tương đối kịp thời công tác quản lý, điều hành trong thời kỳ mới.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã được huyện quan tâm thực hiện thường xuyên, nhưng vẫn còn một số cơ quan, đơn vị thiếu trang thiết bị, máy vi tính để làm việc, đặc biệt là cấp xã. Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc của một số cán bộ, công chức ở cấp xã còn yếu.

- Tiến độ triển khai sử dụng phần mềm Văn phòng điện tử, “Một cửa” điện tử còn chậm so với kế hoạch đề ra; nội dung đăng tải trên Trang thông tin điện tử huyện chưa phong phú; tuy hệ thống thư điện tử công vụ của cán bộ, công chức và các phòng, ban trực thuộc huyện đã được tạo lập đầy đủ, nhưng một số cán bộ, công chức chưa sử dụng thường xuyên trong trao đổi công việc.

- Trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị đã được đầu tư, xây dựng kiên cố, nhưng chưa đảm bảo điều kiện làm việc, nhất là phòng làm việc của Bộ phận “Một cửa” cấp xã không đủ diện tích quy định. Hiện nay, vẫn còn một số địa phương chưa bố trí được phòng làm việc riêng cho Bộ phận “Một cửa”.

* Nguyên nhân:

- Nguồn ngân sách của huyện tuy có quan tâm bố trí cho việc ứng dụng CNTT, nhưng vẫn còn thấp nên khó khăn trong việc đầu tư, mua sắm các trang thiết bị chuyên ngành, các tài khoản người dùng.

- Một số cán bộ lãnh đạo đã lớn tuổi, nên việc triển khai sử dụng phần mềm Văn phòng điện tử gặp nhiều khó khăn. Một số cơ quan, ban, ngành chưa thực sự quan tâm tới công tác cung cấp thông tin cho Trang thông tin điện tử huyện; đội ngũ cộng tác viên còn thiếu, hầu hết không có chuyên môn, nghiệp vụ về báo chí nên việc tham gia viết tin, bài còn nhiều lúng túng, chất lượng chưa cao.

- Dung lượng hộp thư điện tử còn thấp, tình trạng thư rác vẫn còn nhiều làm cho hộp thư nhanh đầy, nên không nhận được thư đến và chuyển thư đi, từ đó dẫn đến một số cán bộ ngại sử dụng.

- Số lượng cán bộ phụ trách lĩnh vực CNTT còn ít (Phòng Văn hóa – Thông tin: 01 người, Văn phòng UBND và UBND huyện: 01 người), chưa đáp ứng được so với nhu cầu phát triển hiện nay, nên việc triển khai các Đề án, Kế hoạch ứng dụng CNTT gặp khó khăn. Việc đào tạo, tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ này chưa thường xuyên.

- Công tác chỉ đạo triển khai kế hoạch đầu tư, xây dựng trụ sở làm việc đáp ứng yêu cầu hoạt động còn hạn chế.

7. Về kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính cấp huyện và cấp xã

7.1. Kết quả triển khai và đánh giá xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính cấp huyện, cấp xã năm 2013

Thực hiện Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định về theo dõi đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính và Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định, UBND huyện đã thành lập và tổ chức họp Hội đồng tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện cải cách hành chính cấp huyện và thẩm định, đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2013 của UBND các xã, thị trấn. Kết quả: UBND thị trấn Diêu Trì và xã Phước Hưng xếp loại tốt, UBND xã Phước Thuận, Phước Hiệp xếp loại trung bình, các xã, thị trấn còn lại xếp loại khá. *(Chi tiết kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2013 của UBND các xã, thị trấn kèm theo Phụ lục V)*

Theo kết quả phê duyệt Chỉ số cải cách hành chính năm 2013 của UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh được ban hành tại Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 14/7/2014 của UBND tỉnh, UBND huyện Tuy Phước đạt 85 điểm, xếp loại tốt và xếp hạng thứ 3 của khối UBND cấp huyện trên toàn tỉnh.

7.2. Kết quả triển khai và đánh giá xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính cấp huyện, cấp xã năm 2014

Thực hiện Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định về theo dõi đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính và Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định, UBND huyện đã tổ chức họp Hội đồng để tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2014 của huyện và hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị UBND tỉnh thẩm định theo đúng quy định. Kết quả: Theo kết quả phê duyệt Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 của UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh được ban hành tại Quyết định số 3627/QĐ-UBND ngày 16/10/2015 của UBND tỉnh, UBND huyện Tuy Phước đạt 81.5 điểm, xếp loại tốt và xếp hạng thứ 3 của khối UBND cấp huyện trên toàn tỉnh.

Đồng thời, căn cứ quy định của UBND tỉnh, UBND huyện đã ban hành Quy định về theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính đối với UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuy Phước tại Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 03/6/2015. Để triển khai thực hiện tốt công tác đánh giá, UBND huyện đã thành lập Hội đồng thẩm định, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 của UBND các xã, thị trấn tại Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 và để tổ chức hoạt động đánh giá, Hội đồng thẩm định của huyện cũng đã ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thẩm định, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuy Phước. Kết quả: UBND xã Phước An, Phước Hiệp và thị trấn Diêu Trì xếp loại tốt; UBND xã Phước Nghĩa, Phước Quang, Phước Sơn, Phước Hòa, Phước Thuận và thị trấn Tuy Phước xếp loại trung bình; các xã còn lại xếp loại khá. *(Chi tiết kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 của UBND các xã, thị trấn kèm theo Phụ lục VI)*

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện, hướng dẫn của Sở Nội vụ và nỗ lực của chính quyền cấp cơ sở, việc triển khai Kế hoạch cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2011-2015 đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, cụ thể:

- Các cấp ủy đảng, chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng nhận thức đúng và đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của các chương trình, kế hoạch của các cấp và sự cần thiết phải thực hiện cải cách hành chính. Do đó, đã có sự quan tâm hơn đối với công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, bằng việc đề ra các chương trình, kế hoạch cụ thể cho từng năm phù hợp với điều kiện của địa phương, nên công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện trong thời gian qua đã đạt được kết quả tích cực.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở được củng cố, kiện toàn theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối và thực hiện chức năng quản lý đa ngành, đa chức năng, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nên cơ bản đã khắc phục được sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng, ban, đơn vị; đồng thời, nâng cao được hiệu quả quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thủ tục hành chính được cập nhật, công khai minh bạch, đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tiếp cận, thực hiện thủ tục hành chính và giám sát việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, nên việc giải quyết thủ tục hành chính cơ bản đảm bảo chất lượng và đúng luật; cơ chế “một cửa” từng bước được kiện toàn, nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu chính đáng và hợp pháp của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, từng bước thay đổi căn bản mối quan hệ giữa cơ quan chính

quyền với người dân theo hướng hành chính phục vụ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được chú trọng thực hiện thường xuyên và có kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật cụ thể cho từng năm, nên chất lượng văn bản ban hành ngày càng được nâng cao và đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo luật định.

- Đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng trưởng thành và có nhiều đóng góp tích cực vào sự quản lý, điều hành của các cấp, các ngành nhằm phát triển kinh tế, giữ vững ổn định trật tự xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân và doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức được thực hiện công khai, minh bạch; công tác đào tạo, bồi dưỡng dần đi vào chiều sâu và quan tâm đào tạo kỹ năng thực thi nhiệm vụ.

- Hầu hết cán bộ, công chức, viên chức đều có nhận thức đúng đắn khi thực hiện quyền tự chủ về biên chế và tài chính, phát huy được dân chủ, công khai, minh bạch trong xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo quản lý, sử dụng tiết kiệm, nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng thêm thu nhập, hạn chế nhiều hoạt động sự vụ từ cơ chế xin - cho kinh phí. Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO được duy trì thực hiện có hiệu quả.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015 đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên so với mục tiêu của Kế hoạch đề ra và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tiến độ thực hiện Kế hoạch còn chậm và chưa đồng bộ, thể hiện ở một số tồn tại, hạn chế chủ yếu như sau:

- Tuy công tác cải cách hành chính đã được quán triệt, triển khai thực hiện khá toàn diện, đồng bộ trên địa bàn huyện, nhưng việc nhận thức về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cải cách hành chính chưa đầy đủ và không đồng nhất, đặc biệt là ở cấp xã, một số cán bộ, công chức coi công tác cải cách hành chính đơn giản chỉ là việc giải quyết các thủ tục hành chính tại bộ phận "Một cửa". Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện kế hoạch của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chưa thường xuyên, sâu sát. Kết quả thông tin, tuyên truyền chưa tương xứng với yêu cầu cải cách hành chính, nội dung tuyên truyền chưa sâu, chủ yếu là nêu những mặt tốt, tích cực, chưa mạnh dạn nêu những mặt yếu kém, chưa làm được hoặc các biểu hiện vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức công vụ...

- Việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở một số cơ quan, đơn vị chưa tuân thủ đúng quy định; công tác tự kiểm tra, rà soát định kỳ đối với văn bản quy phạm pháp luật ở một số xã, thị trấn chưa được chú trọng, còn mang tính hình thức, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu thực tiễn tại địa phương.

- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính tuy có thực hiện, nhưng chất lượng chưa cao, chưa đạt yêu cầu; việc cập nhật, công khai thủ tục hành chính tại một số cơ quan, đơn vị chưa kịp thời, chưa đúng quy định; việc giải quyết thủ tục hành chính còn nhiều hồ sơ bị trễ hẹn, nhất là trên lĩnh vực đất đai; một số địa phương thực hiện cơ chế một cửa chưa đảm bảo quy định; cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động của Bộ phận “Một cửa” chưa đảm bảo, nhất là ở cấp xã.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy được sắp xếp, kiện toàn tương đối ổn định và tinh gọn, giảm đầu mối, nhưng chức năng, nhiệm vụ của một số phòng ban còn bất cập, ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Công tác quản lý cán bộ, công chức còn bộc lộ một số bất cập trong quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng.

- Việc hiện đại hóa công sở, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi trong tình hình mới.

Những tồn tại hạn chế nêu trên là do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do: Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm, chưa thể hiện rõ quyết tâm và trách nhiệm chính trị trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện cải cách hành chính; việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc chưa thường xuyên, sâu sát; nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đầy đủ, chưa đúng mức về công tác cải cách hành chính; tinh thần làm việc, ý thức trách nhiệm, kỹ năng giải quyết công việc của một số cán bộ, công chức còn hạn chế; nguồn lực phục vụ cho công tác tuyên truyền về cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn kinh phí phục vụ cho công tác cải cách hành chính còn hạn chế.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Về nội dung cải cách hành chính

Tiếp tục triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nội dung theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính chung của tỉnh trong giai đoạn 2016-2020, tập trung vào cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cải cách tài chính công, hiện đại hóa hành chính.

2. Mục tiêu, kết quả dự kiến của Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020

a) Mục tiêu chung: Xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động thông suốt, có hiệu lực, hiệu quả nhằm phục vụ nhu cầu tốt nhu cầu

chính đáng của người dân, doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

b) Mục tiêu cụ thể

+ Đến năm 2020, 100% cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thực thi công vụ, phục vụ nhân dân.

+ Triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của UBND tỉnh; 100% thủ tục hành chính cấp huyện được cung cấp trực tuyến mức độ 2 đến người dân và doanh nghiệp, cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 đối với một số thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

+ Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý điều hành của các cơ quan nhà nước từ huyện đến cơ sở. 90% các văn bản, tài liệu được trao đổi chính thức trên môi trường mạng thay cho văn bản giấy trong chỉ đạo, điều hành; 100% cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc.

+ Tập trung cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu cải cách hành chính, trong đó chú trọng việc đầu tư xây dựng Bộ phận “Một cửa” các xã, thị trấn đảm bảo diện tích và trang thiết bị đúng quy định.

c) Kết quả, sản phẩm của Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020 *(có phụ lục cụ thể kèm theo)*

3. Các giải pháp bảo đảm thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện từ các cấp ủy Đảng và chính quyền đối với công tác cải cách hành chính, trong đó chú trọng, đề cao vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch của các cấp về công tác cải cách hành chính và đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính, nhất là trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từ đó nâng cao nhận thức về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Tăng cường công tác kiểm tra và tái kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện để kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý đối với các cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không tốt các nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Định kỳ có kế hoạch rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, từng bước khắc phục sự trùng lặp, chồng chéo giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện theo thẩm quyền.

- Tổ chức mở các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác tham mưu, đề xuất thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả và cán bộ đầu mối làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. Tiếp tục kiện Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả từ huyện đến cơ sở theo đúng tinh thần của Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của UBND tỉnh Bình Định.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức theo chương trình đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh, đáp ứng nhu cầu của địa phương. Kiện toàn, củng cố đội ngũ cán bộ, công chức đủ về số lượng, từng bước nâng cao chất lượng trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chính sách của Trung ương, của Tỉnh về chế độ, chính sách cán bộ. Đồng thời, vận dụng phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của địa phương nhằm nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu thực thi nhiệm vụ trong tình hình mới. Nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, thực hiện quy chế dân chủ và nếp sống văn hóa công sở.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước, nhất là ứng dụng phần mềm “Một cửa” điện tử, phần mềm Văn phòng điện tử và quản lý cán bộ, công chức. Tập trung đầu tư xây dựng, từng bước khắc phục tình trạng một số địa phương có trụ sở làm việc chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động của chính quyền cấp xã.

- Tăng cường đầu tư kinh phí đảm bảo thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

4. Tổ chức thực hiện

- Các phòng, ban chuyên môn huyện và UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020 của huyện, xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính hằng năm; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho UBND huyện theo quy định.

- Phòng Nội vụ chủ trì, tham mưu UBND huyện xây dựng và triển khai Kế hoạch cải cách hành chính hằng năm; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan đơn vị; định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch của huyện.

Phần thứ ba NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị UBND tỉnh xem xét kiến nghị với Trung ương có sự điều chỉnh nhằm khắc phục sự bất cập về tổ chức bộ máy của một số phòng ban (giữa Phòng Văn hóa Thông tin với Trung tâm VH-TT; giữa Phòng Y tế với Trung tâm Y tế huyện).

2. UBND tỉnh đã ban hành quyết định huỷ bỏ một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, UBND các xã, thị trấn vẫn phải thực hiện việc xác nhận đối với một số thủ tục cho công dân (như: xác nhận đơn xin miễn giảm học phí, xác nhận sổ thăm nuôi, thường trú tại địa phương, đơn báo mất giấy tờ, đơn xin vận chuyển gỗ, đơn xin học nghề ngắn hạn, xác nhận vay vốn giải quyết việc làm, vay vốn học sinh sinh viên...) vì các ngành chức năng liên quan như công an, kiểm lâm, ngân hàng, giáo dục... yêu cầu phải có xác nhận của chính quyền địa phương. Đề nghị tỉnh chỉ đạo các ngành liên quan để việc thực hiện được thống nhất giữa chính quyền địa phương và các ngành chức năng trên địa bàn.

3. Tỉnh quan tâm mở các lớp tập huấn về nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức đầu mối làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính và cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã. Tổ chức cho cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã đi tham quan học tập kinh nghiệm ở các địa phương thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nhất là các địa phương tổ chức thực hiện mô hình một cửa, một cửa liên thông hiện đại có hiệu quả.

4. Đề nghị tỉnh quan tâm, hỗ trợ phần mềm một cửa điện tử, tập huấn tập huấn chuyên môn cho cán bộ phụ trách quản trị mạng cấp huyện. Đồng thời, sớm cho chủ trương chọn nhà cung cấp phần mềm quản lý cán bộ, công chức để huyện triển khai thực hiện.

5. Tỉnh quan tâm hỗ trợ kinh phí cho UBND cấp xã xây dựng nhà làm việc của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.

Trên đây là báo cáo tổng kết thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2011-2015, UBND huyện Tuy Phước kính báo cáo UBND tỉnh, Sở Nội vụ theo dõi, chỉ đạo. /

Nơi nhận:


- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nội vụ (báo cáo);
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Các phòng, ban huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.NV (CCHC)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Tích Hiếu

Phụ lục I

**THÔNG KÊ VIỆC BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN
CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**
(Kể từ theo Báo cáo số 219/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2015
của UBND huyện)

STT	Số ký hiệu và ngày tháng văn bản	Trích yếu nội dung	Ghi chú
01	Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	Về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính huyện giai đoạn 2011-2015;	
02	Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 19/4/2011	Về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2011	
03	Công văn số 449/UBND-TH ngày 08/8/2011	Về triển khai công tác kiểm tra hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.	
04	Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 08/9/2011	Về đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện Tuy Phước	
05	Quyết định số 515 ^A /QĐ-CTUBND ngày 30/3/2012	Về ban hành kế hoạch cải cách hành chính huyện năm 2012	
06	Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 19/7/2012	Về việc ban hành kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, văn thư lưu trữ và ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại các xã, thị trấn.	
07	Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 24/4/2012	Về việc thực hiện rà soát quy định, thủ tục hành chính năm 2012	
08	Chỉ thị số 06/CT-CTUBND ngày 09/5/2012	Về việc tăng cường hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2012	
09	Công văn số 143/UBND-NV ngày 20/3/2012	Về việc triển khai thực hiện Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 03/02/2012 của UBND tỉnh	
10	Công văn số 195/UBND ngày 11/4/2012	Về việc rà soát thống kê và quy định về quy trình, thủ tục thực hiện các thủ tục hành chính áp dụng theo cơ chế một cửa	

11	Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 06/4/2012	Về việc ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và một số văn bản khác năm 2012	
12	Thông báo số 58/TB-UBND ngày 10/4/2012	Về việc sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ tại UBND huyện Tuy Phước	
13	Quyết định số 1559/QĐ-CTUBND ngày 30/7/2012	Về việc ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan chuyên môn trực thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn	
14	Quyết định số 1952/QĐ-CTUBND 10/10/2012	Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện việc mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 tại UBND huyện Tuy Phước	
15	Công văn số 741/UBND-TH ngày 27/10/2012	Về việc tổ chức triển khai thực hiện việc mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 năm 2012	
17	Công văn số 03/UBND-NC ngày 03/01/2013	Về việc thực hiện giảm văn bản, giấy tờ hành chính trong hoạt động của cơ quan, đơn vị	
18	Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 29/01/2013	Về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính huyện năm 2013	
19	Công văn số 119/UBND-NC ngày 04/3/2013	Về thực hiện hành động khắc phục và xây dựng đầy đủ các thủ tục hành chính đã công bố theo Đề án 30	
20	Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 05/6/2013	Về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2013 trên địa bàn huyện Tuy Phước	
21	Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 22/3/2013	Về việc ban hành nội quy tiếp công dân của Chủ tịch UBND huyện tại trụ sở tiếp công dân của huyện	
22	Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 22/3/2013	Về việc ban hành Quy trình tiếp nhận xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn huyện Tuy Phước	
23	Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 02/5/2013	Về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2013	
24	Công văn số 616/UBND-TP ngày 19/8/2013	Về việc thay đổi địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính	
25	Công văn số 780/UBND-NV ngày 11/10/2013	Về việc triển khai thực hiện Quy định và Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính	

26	Công văn số 991/UBND-CCHC ngày 11/12/2013	Về việc hướng dẫn thực hiện Quy định và Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính
27	Công văn số 790/UBND-TH ngày 14/10/2013	Về việc xây dựng hoàn chỉnh các thủ tục hành chính theo Đề án 30 đã được chứng nhận và công khai quy trình, thủ tục giải quyết TTHC đã được chứng nhận
28	Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 09/01/2014	Về việc ủy quyền xử lý vi phạm hành chính
29	Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 25/02/2014	Về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính huyện năm 2014
30	Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 25/02/2014	Về việc thành lập Ban Chỉ đạo huyện về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức
31	Quyết định số 260A/QĐ-UBND ngày 27/2/2014	Về việc ban hành Kế hoạch đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức đến năm 2015
32	Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 05/3/2014	Về việc ban hành Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Tuy Phước
33	Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 26/3/2014	Về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện năm 2014
34	Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 15/4/2014	Về việc ban hành Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2014
35	Thông báo số 49/TB-UBND ngày 22/4/2014	Về kết quả đánh giá, xếp hạng chỉ số cải cách hành chính năm 2013 của UBND các xã, thị trấn
36	Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 28/4/2014	Về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện Tuy Phước năm 2014-2015
37	Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 12/5/2014	Về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác nội vụ năm 2014
38	Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 14/3/2014	Về việc kiện toàn Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc văn phòng HĐND&UBND huyện
39	Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 09/6/2014	Về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính huyện

40	Quyết định số 2475/QĐ-UBND ngày 06/9/2014	Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 trên địa bàn huyện Tuy Phước
41	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 03/9/2014	Về việc phân công nhiệm vụ thành viên UBND huyện nhiệm kỳ 2011-2016
42	Công văn số 849/UBND-NV ngày 17/10/2014	Về việc tăng cường thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện
43	Quyết định số 3117/QĐ-UBND ngày 03/11/2014	Về thành lập Đoàn kiểm tra công tác nội vụ năm 2014
44	Thông báo số 187/TB-UBND ngày 20/11/2014	Về việc Thông báo kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện tại cuộc họp triển khai văn phòng điện tử huyện năm 2014
45	Quyết định số 4800/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	Về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2015
46	Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2015	Về việc ban hành Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND huyện ban hành từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014.
47	Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 20/01/2015	Về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện năm 2015
48	Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 21/01/2015	Về ban hành Kế hoạch rà soát văn bản pháp luật có quy định yêu cầu nộp bản sao giấy tờ, văn bản khi thực hiện các thủ tục hành chính trái với Điều 6 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện
49	Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 03/02/2015	Về ban hành Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND huyện năm 2015
50	Báo cáo số 89/BC-UBND ngày 19/5/2015	Về Tổng kết thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 24/8/2011 của Tỉnh ủy
51	Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 26/3/2015	Về thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính huyện năm 2014
52	Thông báo số 54/TB-	Về việc thực hiện khảo sát, đánh giá

	UBND 15/4/2015	ngày	mức độ hài lòng của tổ chức công dân đối với Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả trên địa bàn huyện	
53	Công văn số 275/UBND-NV 20/4/2015	ngày	Về việc thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả trên địa bàn huyện	
54	Công văn số 481/UBND-TH 11/6/2015	ngày	Về việc tăng cường ứng dụng Trang thông tin điện tử huyện, thư điện tử công vụ trong hoạt động cơ quan nhà nước	
55	Chỉ thị số 06/CT-UBND 15/6/2015	ngày	Về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện Tuy Phước	
56	Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 17/8/2015	số	Về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác nội vụ năm 2015	
57	Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 10/8/2015	số	Về thành lập Hội đồng thẩm định, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 của UBND các xã, thị trấn	
58	Thông báo số 148/TB-UBND 01/9/2015	ngày	Về ý kiến kết luận của đồng chí Phạm Tích Hiếu – Phó Chủ tịch thường trực UBND huyện tại cuộc họp đánh giá tình hình thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả huyện	
59	Công văn số 735/UBND-NV 04/9/2015	ngày	Về đăng ký xây dựng lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong năm 2015 và định hướng đến năm 2020	
60	Quyết định số 4873/QĐ-UBND ngày 20/10/2015	số	Về ban hành Kế hoạch triển khai cuộc thi “Ý tưởng cải cách hành chính tỉnh Bình Định” năm 2015	
61	Quyết định số 4920/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	số	Về việc thành lập Ban Tổ chức và Tổ thư ký giúp việc Ban Tổ chức Vòng sơ tuyển cuộc thi “Ý tưởng cải cách hành chính tỉnh Bình Định” năm 2015 trên địa bàn huyện Tuy Phước.	
62	Kế hoạch số 14/KH-UBND 27/10/2015	ngày	Về tổng kết công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện giai đoạn 2011-2015	



Phụ lục II

THÔNG KÊ CÁC ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN VÀ HÀNG NĂM (Kèm theo Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 20 tháng 1 năm 2015 của UBND huyện)

STT	Đơn vị	Ban hành kế hoạch CCHC giai đoạn 2011-2015	Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2012	Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2013	Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2014	Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2015
1	TT Điều Trì	X	X	X	X	X
2	TT Tuy Phước	X	0	X	X	X
3	Phước An	0	X	X	X	X
4	Phước Thành	X	X	X	X	X
5	Phước Nghĩa	0	X	X	X	X
6	Phước Hiệp	0	0	0	X	X
7	Phước Lộc	X	X	X	X	X
8	Phước Thuận	0	0	0	X	X
9	Phước Sơn	X	X	X	X	X
10	Phước Hòa	0	X	X	X	X
11	Phước Thắng	X	X	X	X	X
12	Phước Hưng	X	X	X	X	X
13	Phước Quang	X	X	X	X	X

Phụ lục III

**VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 02/2012/QĐ-UBND NGÀY 03/02/2012 CỦA UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH**
(Kèm theo Báo cáo số 219/BC-UBND ngày 20 tháng 1 năm 2015 của UBND huyện)



STT	Đơn vị	Diện tích bộ phận “Một cửa”	Trang bị cơ sở vật chất	Ban hành quyết định kiện toàn bộ phận “Một cửa”	Ban hành quyết định ban hành quy chế làm việc của bộ phận “Một cửa”
I	CẤP HUYỆN				
	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	80m ²	Bàn ngăn ô kính, 03 máy tính, 03 máy in, 04 máy quạt, 01 điện thoại bàn, ghế ngồi đợi; bảng niêm yết; hòm thư góp ý, số điện thoại đường dây nóng; bảng chỉ dẫn nơi làm việc các bộ phận; đồng phục cho cán bộ, công chức, viên chức và các trang thiết bị khác	Có	Có
II	CẤP XÃ				
1	TT Điều Trị	Chưa có phòng làm việc riêng	Máy vi tính, bàn ghế, tủ đựng hồ sơ, đồng phục, bảng tên CBCC, bảng tên để bàn theo chức danh chuyên môn, bảng niêm yết công khai thủ tục hành chính, ghế ngồi đợi cho công dân	Có	Có
2	TT Tuy Phước	36m ²	Bàn làm việc, ghế ngồi, máy quạt, bảng công khai thủ tục hành chính, ghế ngồi đợi cho công dân.	Có	Có
3	Phước An	40m ²	01 bàn chờ cùng ghế ngồi, 02 quạt trần, máy vi tính, máy in, nước uống, bảng niêm yết TTHC, trục xoay	Có	Có

4	Phước Thành	45m ²	Máy vi tính, máy in, máy quạt, bàn làm việc, ghế ngồi đợi cho công dân, nước uống; bàn ngăn ô kính, bảng niêm yết công khai thủ tục hành chính	Có	Có
5	Phước Nghĩa	12m ²	Bàn làm việc, ghế ngồi, bảng niêm yết, ghế ngồi đợi cho công dân	Có	Có
6	Phước Hiệp	32m ²	Bàn làm việc, ghế ngồi, bảng niêm yết, quạt, máy vi tính ghế ngồi đợi cho công dân	Có	Có
7	Phước Lộc	16m ²	Bàn, ghế, tủ, bảng tên, đồng phục, bảng niêm yết, ghế ngồi đợi cho công dân, máy vi tính, máy quạt	Có	Có
8	Phước Thuận	18m ²	Máy quạt, bàn làm việc, ghế ngồi đợi cho công dân.	Có	Có
9	Phước Sơn	16m ²	Máy vi tính, bàn ghế, tủ đựng hồ sơ, bảng tên CBCC, bảng tên để bàn theo chức danh chuyên môn, trục xoay niêm yết, đồng phục, ghế ngồi đợi cho công dân.	Có	Có
10	Phước Hòa	Chưa có phòng làm việc riêng	Trang thiết bị phục vụ Bộ phận Một cửa chưa được trang bị đồng bộ	Có	Có
11	Phước Thắng	Chưa có phòng làm việc riêng	Trang thiết bị phục vụ Bộ phận Một cửa chưa được trang bị đồng bộ	Có	Có
12	Phước Hưng	22m ²	Bàn, ghế, tủ, máy quạt, máy vi tính, bảng niêm yết, ghế ngồi đợi cho công dân, bảng tên để bàn theo chức năng chuyên môn, đồng phục.	Có	Có
13	Phước Quang	45,5 m ²	Bàn, ghế, máy quạt, bảng niêm yết, ghế ngồi đợi cho công dân, bảng tên để bàn theo chức năng chuyên môn	Có	Có



PHỤ LỤC IV

THÔNG KÊ CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2011 SO VỚI NĂM 2015

(Kèm theo Báo cáo số 219/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2015 của UBND huyện)

TT	CBCC-VC	NĂM 2011											NĂM 2015												
		Tổng số	LLTC				Chuyên môn							Tổng số	LLTC				Chuyên môn						
			Cũ nhân; CC		TC		Th. Sỹ		ĐH, CĐ		TC				Cũ nhân; CC		TC		Th. Sỹ		ĐH, CĐ		TC		
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL		%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
I	Cấp huyện	1997	13	0.65	77	3.8558	2	0.10	1451	72.66	533	26.69	2137	18	0.84	136	6.36	11	0.51	1840	86.10	276	12.92		
1	Khối HC	85	13	15.29	22	25.882	1	1.18	70	82.35	10	11.76	91	18	19.78	27	29.7	2	2.20	82	90.11	5	5.49		
2	Khối viên chức	51			11	21.569			38	74.51	6	11.76	63			19	30.16	1	1.59	51	80.95	5	7.94		
3	Khối GD-ĐT	1861			44	2.3643	1	0.054	1343	72.17	517	27.78	1983			90	4.54	8	0.40	1707	86.08	266	13.41		
II	Cấp xã	238	1	0.42	147	61.765			68	28.57	104	43.7	271	4	1.48	175	64.58	1	0.37	149	54.98	93	34.32		
1	Cán bộ	136	1	0.74	101	74.265			44	32.35	41	30.15	134	2	1.49	110	82.09	1	0.75	73	54.48	38	28.36		
2	Công chức	102			46	45.098			24	23.53	63	61.76	137	2	1.46	65	47.45			76	55.47	55	40.15		

Thời điểm thống kê tới tháng 30/11/2015

Phụ lục V



**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHỈ SỐ
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ NĂM 2013**
(Kèm theo Báo cáo số 219/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2015
của UBND huyện)

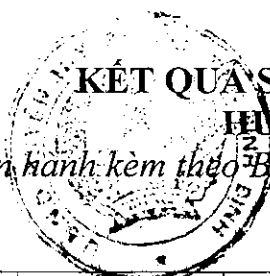
STT	Tên đơn vị	Điểm các đơn vị tự đánh giá	Điểm UBND huyện đánh giá	Phân loại	Xếp hạng
1	TT Điều Trì	94	85	Tốt	1
2	Phước Hưng	96	82.5	Tốt	2
3	Phước An	88.5	78.5	Khá	3
4	Phước Lộc	90	77	Khá	4
5	Phước Thành	85	77	Khá	4
6	Phước Sơn	86	77	Khá	4
7	Phước Quang	84.5	76.5	Khá	5
8	Phước Hòa	81	72	Khá	6
9	Phước Thắng	62	70	Khá	7
10	TT Tuy Phước	80	69	Khá	8
11	Phước Nghĩa	91.5	66.5	Khá	9
12	Phước Hiệp	90	64.5	Trung bình	10
13	Phước Thuận	85	55	Trung bình	11

Phụ lục VI

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHỈ SỐ
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ NĂM 2014**
(Kèm theo Báo cáo số 219/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2015
của UBND huyện)

STT	Tên đơn vị	Điểm các đơn vị tự đánh giá	Điểm thẩm định	Phân loại	Xếp hạng
1	Phước An	84.5	86.5	Đơn vị tốt	1
2	Phước Hiệp	84	85.75	Đơn vị tốt	2
3	Diêu Trì	88.5	85.5	Đơn vị tốt	3
4	Phước Thắng	69.5	73.5	Đơn vị khá	4
5	Phước Hưng	94	71	Đơn vị khá	5
6	Phước Lộc	91.5	67	Đơn vị khá	6
7	Phước Thành	88.25	65.5	Đơn vị khá	7
8	Phước Nghĩa	95	64	Đơn vị trung bình	8
9	Phước Quang	64	61.5	Đơn vị trung bình	9
10	TT Tuy Phước	85	58.5	Đơn vị trung bình	10
11	Phước Sơn	68	58.25	Đơn vị trung bình	11
12	Phước Hòa	65.5	56.5	Đơn vị trung bình	12
13	Phước Thuận	81	55.75	Đơn vị trung bình	13

Phụ lục
KẾT QUẢ SẢN PHẨM KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
HUYỆN TUY PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 219 /BC-UBND ngày 20 /11/2015 của UBND huyện)



Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến
I. Cải cách thể chế	1. Xây dựng kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật hàng năm	Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND huyện	Phòng Tư pháp	Các phòng, ban chuyên môn có liên quan	Quý I hàng năm	1,5 triệu
	2. Xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND cấp huyện, cấp xã ban hành.	- Quyết định ban hành kế hoạch rà soát của UBND huyện, xã - Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.	Phòng Tư pháp, UBND các xã, thị trấn	Các phòng, ban chuyên môn có liên quan	Quý I hàng năm Quý IV hàng năm	1,5 triệu
	3. Kiểm tra công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật do HĐND&UBND cấp xã ban hành	- Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra. - Báo cáo kết quả kiểm tra.	Phòng Tư pháp	UBND các xã, thị trấn	Quý I hàng năm Quý IV hàng năm	5 triệu
II. Cải cách thủ tục hành chính	1. Xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính theo từng năm	Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND huyện vào quý I hàng năm Báo cáo kết quả thực hiện	Phòng Tư pháp	Các phòng chuyên môn huyện, UBND xã, thị trấn	Hàng năm	9 triệu
	2. Cập nhật, công khai đầy đủ, đúng quy định đối với các thủ	100% thủ tục hành chính được công khai tại Bộ	Văn phòng HĐND&UBND,	Phòng Tư pháp, Nội vụ và các	Thường xuyên	

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến
	tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã	phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã và trên Trang Thông tin điện tử của huyện	UBND các xã, thị trấn	phòng chuyên môn có liên quan		
	3. Triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 của UBND tỉnh	Văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận “Một cửa” cấp huyện, cấp xã	Phòng Nội vụ Văn phòng HĐND&UBND huyện, UBND cấp xã	Các phòng chuyên môn huyện, UBND các xã, thị trấn	Quý I/2016	
	4. Tiếp tục thực hiện tốt quy chế phối hợp trong việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân về quy định thủ tục hành chính	Các phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận và xử lý kịp thời	Văn phòng HĐND&UBND, UBND các xã, thị trấn	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	
	1. Xây dựng Đề án thành lập, sắp xếp, kiện toàn một số cơ quan chuyên môn cấp huyện theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	Quyết định của UBND huyện	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Khi có hướng dẫn của cấp trên	
	2. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền	Quyết định ban hành quy định của UBND huyện	Các phòng, ban chuyên môn huyện	Phòng Nội vụ	Sau khi có văn bản hướng dẫn của cấp trên	

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến
III. Cải cách tổ chức bộ máy	3. Ban hành quy chế làm việc của các phòng, ban chuyên môn huyện và UBND các xã, thị trấn theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.	Quyết định của các phòng, ban chuyên môn huyện và UBND các xã, thị trấn	Các phòng, ban chuyên môn huyện	Phòng Nội vụ	Sau khi có hướng dẫn của cấp trên	
	4. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp quản lý theo đúng quy định.	Thực hiện đầy đủ và đúng quy định các nhiệm vụ đã được phân cấp	Các phòng, ban chuyên môn huyện	Phòng Nội vụ	Thường xuyên	
	5. Rà soát, đề xuất thực hiện phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước giữa UBND huyện với các phòng, ban huyện và UBND các xã, thị trấn.	Quyết định phân cấp, ủy quyền	Các phòng, ban chuyên môn huyện	Phòng Nội vụ	Thường xuyên	
	6. Tổ chức đánh giá phân loại chính quyền cấp xã trên địa phương huyện hàng năm	Quyết định công nhận kết quả phân loại chính quyền cấp xã của UBND huyện	Phòng Nội vụ	Các phòng, ban huyện và UBND các xã, thị trấn	Hàng năm	
IV. Xây dựng và nâng cao chất	1. Rà soát, sắp xếp lại cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức hợp lý gắn với vị trí việc làm theo Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt	Văn bản triển khai thực hiện	Các phòng, ban chuyên môn huyện	Phòng Nội vụ	Từ 2016-2020	
	2. Triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về đào tạo cán bộ, công chức, viên	Văn bản triển khai thực hiện	Phòng Nội vụ	Các phòng, ban huyện và UBND các xã, thị trấn	Theo kế hoạch của tỉnh và nhu cầu	

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến
lượng đội ngũ, cán bộ, công chức, viên chức	chức giai đoạn 2011-2015				của huyện	
	3. Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm theo nhu cầu của huyện	Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND huyện	Phòng Nội vụ	Các phòng, ban huyện và UBND các xã, thị trấn	Hàng năm	300 triệu
	4. Thực hiện việc chuyển đổi một số chức danh công chức, viên chức theo quy định	Quyết định chuyển đổi vị trí công tác của UBND huyện	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
	5. Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã và viên chức ngành giáo dục theo đúng quy định	Kế hoạch tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức của UBND huyện	Phòng Nội vụ	Phòng Giáo dục và UBND các xã, thị trấn	Từ 2016-2020	
	6. Thực hiện việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ	Hướng dẫn đánh giá cán bộ, công chức, viên chức của UBND huyện Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại của huyện	Phòng Nội vụ	Các phòng, ban huyện và UBND các xã, thị trấn	Hàng năm	
	7. Thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ	Đề án tinh giản biên chế của huyện Quyết định của UBND huyện	Phòng Nội vụ	Các phòng, ban huyện và UBND các xã, thị trấn	Từ 2016-2020	
	8. Ban hành các văn bản quy định tăng cường kỷ luật, kỷ cương và thực hiện quy chế văn hóa công sở	Văn bản chỉ đạo của UBND huyện	Phòng Nội vụ	Các phòng, ban huyện và UBND các xã, thị trấn	Theo yêu cầu công tác và tình hình thực tế tại địa	

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến
					phương	
V. Cải cách tài chính công	1. Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính nhà nước theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP	Văn bản triển khai thực hiện của UBND huyện	Phòng Tài chính – Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sau khi có hướng dẫn của UBND tỉnh	
	2. Tiếp tục thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP	Báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ hàng quý, 06 tháng, năm	Phòng Tài chính – Kế hoạch	Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện	Hàng năm	
	3. Thực hiện các quy định của nhà nước về cải cách chế độ tiền lương, chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức	Văn bản triển khai thực hiện	Phòng Tài chính – Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sau khi có quy định và hướng dẫn của cấp trên	
VI. Hiện	1. Xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn và hàng năm trên địa bàn huyện	Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND huyện	Phòng Văn hóa – Thông tin	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I hàng năm	1,6 tỷ
	2. Triển khai có hiệu quả hệ thống Văn phòng điện tử tại các cơ quan, đơn vị	Phần mềm Văn phòng điện tử được sử dụng có hiệu quả tại các phòng, ban chuyên môn huyện	Phòng Văn hóa – Thông tin	Các phòng, ban có liên quan	Từ năm 2016-2020	30 triệu

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến
đại hóa nên hành chính	3. Xây dựng và triển khai Đề án áp dụng thực hiện mô hình một cửa, một cửa liên thông điện tử cấp huyện.	Quyết định ban hành Đề án của UBND huyện	Văn phòng HĐND&UBND, Văn hóa – TT huyện	Các phòng chuyên môn có liên quan	Từ năm 2016-2020	1,2 tỷ
	4. Tiếp tục sử dụng có hiệu quả hệ thống thư điện tử công vụ tại cấp huyện Xây dựng hệ thống thư điện tử công vụ cho UBND các xã, thị trấn	100% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, cấp huyện sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc	Phòng Văn hóa – Thông tin	Các phòng, ban huyện và UBND các xã, thị trấn	Từ 2016-2018	5 triệu
	5. Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức	Các thông tin về cán bộ, công chức được cập nhật quản lý trên phần mềm điện tử	Phòng Nội vụ, Văn hóa - Thông tin	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Từ 2017-2018	40 triệu
	6. Tiếp tục duy trì và cải tiến các quy trình công việc đã xây dựng và áp dụng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008 đã được Tổng cục Đo lường quản lý chất lượng cấp Giấy chứng nhận cho phù hợp với quy định hiện hành	Các quy trình công việc được cải tiến và duy trì thực hiện tốt	Các phòng, ban áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng	Văn phòng HĐND&UBND huyện	Hàng năm	400 triệu
	7. Mua sắm các trang thiết bị tin học phục vụ nhu cầu công tác	Các trang thiết bị tin học được cấp cho các phòng, ban chuyên môn huyện	Phòng Văn hóa – Thông tin	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	300 triệu

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến
	8. Xây dựng Kế hoạch đầu tư, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, nhất là Bộ phận “Một cửa” cấp xã.	Quyết định phê duyệt Kế hoạch UBND huyện	Phòng Tài chính – Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	28.860 triệu
VII. Công tác chỉ đạo, điều hành	1. Tổ chức thẩm định, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của UBND cấp xã	Thông báo kết quả đánh giá, xếp hạng của UBND huyện	Phòng Nội vụ	UBND các xã, thị trấn và các cơ quan liên quan	Hàng năm	30 triệu
	2. Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của huyện	Hồ sơ đề nghị UBND tỉnh thẩm định kết quả tự đánh giá	Phòng Nội vụ	Các phòng, ban chuyên môn có liên quan	Hàng năm	6 triệu
	3. Xây dựng và triển khai Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 và hàng năm	Quyết định ban hành Kế hoạch của UBND huyện	Phòng Nội vụ	Các phòng, ban có liên quan	Tháng 12 hàng năm	
	4. Xây dựng Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm	Quyết định ban hành Kế hoạch của huyện	Phòng Văn hóa - TT	Phòng Nội vụ, Đài Truyền thanh huyện	Quý I hàng năm	
	5. Mở chuyên mục cải cách hành chính trên Đài Truyền thanh huyện	Xây dựng và triển khai Kế hoạch mở chuyên mục cải cách hành chính	Đài Truyền thanh huyện	Phòng Nội vụ, Tư pháp, Văn phòng HĐND&UBND, Văn hóa – Thông tin	Năm 2016	35 triệu
	5. Xây dựng Kế hoạch tự kiểm tra, kiểm tra công tác cải cách hành chính hàng năm	Quyết định ban hành Kế hoạch và Báo cáo kết quả kiểm tra của UBND cấp huyện, cấp xã	Phòng Nội vụ, UBND các xã, thị trấn	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý IV hàng năm	30 triệu

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến
	6. Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch cải hành chính giai đoạn, hàng năm	Hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	
Tổng kinh phí:	Ba mươi hai tỷ tám trăm năm mươi ba triệu đồng					32 tỷ 853 triệu